TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DS-PT
Ngày: 21 – 4 - 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường
Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DSST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2022/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2022/QĐ – PT ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Tạ Văn C**, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

2.1. Chị **Lê Trần Mỹ T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1980

HKTT: ấp N, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã Q, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Bùi Văn Lâm: Bà Dương Thùy T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: số 183, Nguyễn Thị Minh Khai, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên lạc: 53/8A, khóm L, Mậu Thân, phường L, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2022.

- Người kháng cáo: Bị đơn Lê Trần Mỹ Tiên, Bùi Văn Lâm

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Tạ Văn C trình bày:***

Vào ngày 02/3/2019 al chị Lê Trần Mỹ T có vay của ông số tiền 95.000.000đ. Khi vay chị T có viết biên nhận cho ông, mỗi tháng chị T đóng lãi cho ông số tiền 2.850.000đ.

Từ khi vay chị T có đóng lãi cho ông và có trả cho ông nhiều lần tổng số tiền là 11.000.000đ còn nợ lại số tiền 84.000.000đ.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Trần Mỹ T cùng chồng là anh Bùi Văn L phải trả cho ông số tiền vốn vay là 84.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 02 tháng 7 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà bị đơn chị Lê Trần Mỹ T trình bày:***

Nay đối với yêu cầu của ông Tạ Văn C yêu cầu chị phải trả cho ông C số tiền vốn vay là 84.000.000đ không yêu cầu tính lãi thì chị thừa nhận còn nợ ông C số tiền vốn vay là 84.000.000đ. Nay chị đồng ý trả cho ông C số tiền vốn vay là 84.000.000đ.

Tại phiên toà chị T xin ông C số tiền vốn 34.000.000đ chỉ trả 50.000.000đ nhưng ông C không đồng ý.

Chị T cho rằng số tiền này chị vay dùm người em của chị.

**** Theo bảng khai ý kiến ngày 02 tháng 7 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Bùi Văn L trình bày:***

Nay đối với yêu cầu của ông Tạ Văn C yêu cầu anh phải có trách nhiệm cùng chị T trả cho ông C số tiền vốn vay là 84.000.000đ không yêu cầu tính lãi thì anh chỉ đồng ý phụ làm để trả tiền cho ông C chứ anh không có trách nhiệm trả tiền cho ông C.

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của anh L trình bày: các

chứng cứ trong hồ sơ không có tài liệu nào có chữ ký của anh L. Chị T vay tiền của ông C để sử dụng riêng không sử dụng vào mục đích chung trong gia đình.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DSST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 26 Nghị quyết số: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của ông Tạ Văn C.

[1] Buộc chị Lê Trần Mỹ T và anh Bùi Văn L có trách nhiệm trả cho ông Tạ Văn C số tiền vốn vay là 84.000.000đ (Tám mươi bốn triệu đồng).

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Trần Mỹ T và anh Bùi Văn L nộp 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 07/02/2022 bị đơn chị Lê Trần Mỹ T và anh Bùi Văn L có đơn kháng cáo nội dung như sau:

Chị T kháng cáo yêu cầu: chị đã đóng lãi được 24 tháng với số tiền 68.400.000đ chị yêu cầu trừ lãi đã đóng vượt mức quy định của pháp luật. Xin xem xét khấu trừ vốn gốc 34.000.000đ. Chị T đồng ý trả ông C 50.000.000đ. Yêu cầu xem xét bác khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc chị và chồng là anh Bùi Văn L trả số tiền 84.000.000đ vì chị cho rằng số nợ này là do chị vay để tiêu xài cá nhân.

Anh L kháng cáo: yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Bùi Văn L phải có trách nhiệm cùng trả nợ số tiền 84.000.000đ. Anh L cho rằng chị T vay anh không hay biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm: chị T và anh L giữ nguyên kháng cáo.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến**:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Lê Trần Mỹ T là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: chị Tiên thừa nhận ngày 02/3/2019al chị có vay của ông Tạ Văn C số tiền 95.000.000đ, mỗi tháng chị T đóng lãi cho ông Chỉnh 2.850.000đ, chị T có viết biên nhận nợ. Chị T trình bày chị có đóng lãi cho ông được 24 tháng với số tiền 68.400.000đ, nhưng chị T không có chứng cứ chứng minh, ông C không thừa nhận. Ông C chỉ thừa nhận chị T trả được 11.000.000đ nên không có căn cứ để trừ vào tiền vốn 34.000.000đ.

Xét kháng cáo của anh Bùi Văn L là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: mặc dù biên nhận nợ không có chữ ký của anh L, tuy nhiên chị T và anh L là vợ chồng, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới theo qui định tài Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó án sơ thẩm buộc anh L cùng chị T có trách nhiệm liên đới trả ông C số tiền 84.000.000đ là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Trần Mỹ T, Bùi Văn L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Chị T và anh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/01/2022 Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 07/02/2022 chị Lê Trần Mỹ T và anh Bùi Văn L có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông Tạ Văn C có cho chị Lê Trần Mỹ T vay số tiền 95.000.000đ thể hiện qua biên nhận ngày 02/3/2019 al. Chị T là người trục tiếp ký vào biên nhận và thừa nhận có vay số tiền trên với lãi suất mỗi tháng đóng lãi 2.850.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm nguyên đơn ông C thừa nhận từ khi vay chị T có đóng lãi và trả nhiều lần với số tiền 11.000.000đ. Ông C yêu cầu chị T và Anh L trả số tiền vốn sau khi đã cấn trừ là 84.000.000đ và không

yêu cầu tính lãi suất. Cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C buộc chị T và anh L có trách nhiệm trả ông số tiền 84.000.000đ.

2.1. Chị Tiên kháng cáo: cho rằng chị đã đóng lãi được 24 tháng với số tiền 68.400.000đ chị yêu cầu trừ lãi đã đóng vượt mức quy định của pháp luật. Yêu cầu xem xét bác khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc chị và chồng là anh Bùi Văn L trả số tiền 84.000.000đ vì chị cho rằng số nợ này là do chị vay để tiêu xài cá nhân.

Xét kháng cáo của chị T: Chị vay tiền của ông C với số tiền 95.000.000đ có làm biên nhận ngày 02/3/2019 al. Chị kháng cáo trình bày từ khi vay đã đóng lãi cho ông C được 24 tháng với mức lãi suất đã được thỏa thuận ghi trong biên nhận mỗi tháng đóng 2.850.000đ là 68.400.000đ. Nhưng không được ông C thừa nhận và việc đóng lãi của chị cũng không có biên nhận thể hiện hay có chứng cứ gì chứng minh chị đã đóng lãi hàng tháng cho phía ông C. Mặt khác, từ khi cho vay đến khi khởi kiện nguyên đơn ông C thừa nhận chị T đã trả lãi và vốn nhiều lần là 11.000.000 đ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị và anh L phải trả cho nguyên đơn ông C số tiền 84.000.000đ là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm chị T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó kháng cáo của chị T là không có căn cứ để chấp nhận.

2.2. Xét kháng cáo của anh Bùi Văn L: Anh L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C về việc yêu cầu anh cùng chị T có trách nhiệm trả số số tiền 84.000.000đ. Vì anh L cho rằng chị T vay tiền tiêu xài cá nhân anh L không biết về việc vay này nên không đồng ý cùng chị T trả nợ. Xét kháng cáo của anh L là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, anh L và chị T là vợ chồng hợp pháp, cùng sống và sinh hoạt chung. Mặc dù trong biên nhận không thể hiện chị T vay tiền mục đích để làm gì. Nhưng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên vợ chồng cùng có trách nhiệm liên đới trả theo qui định tài Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Cấp sơ thẩm tuyên buộc anh cùng chị T có trách nhiệm trả ông C số tiền chị T nợ là có căn cứ. Do đó kháng cáo của anh L không có căn cứ để chấp nhận.

Từ nhận định trên:

Xét kháng cáo của chị Lê Trần Mỹ T và anh Bùi Văn L là không có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ.

Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Chị Lê Trần Mỹ T, anh Bùi Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14; khoản 2 Điều 26, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Trần Mỹ T, anh Bùi Văn L

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DSST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của ông Tạ Văn C.

[1] Buộc chị Lê Trần Mỹ T và anh Bùi Văn L có trách nhiệm trả cho ông Tạ Văn C số tiền vốn vay là 84.000.000đ (Tám mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Lê Trần Mỹ T, anh Bùi Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ chị T đã đóng theo biên lai thu số 0008006 ngày 11/02/2022, tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ anh L đã đóng theo biên lai thu số 0008009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND huyện Vũng Liêm: 01;
- VKSND huyện Vũng Liêm: 01;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn: 01;
- Đương sự: 05;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Văn Lạc